



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Địa chỉ: Tầng 3, Toà nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, P6, Q3, Tp.HCM

Điện thoại: 08. 62582330/ 62582331

Fax: 08. 62582334

Website: [www.pct.com.vn](http://www.pct.com.vn)

Email: [info@pct.com.vn](mailto:info@pct.com.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CP DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG**  
Năm báo cáo: 2016

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1.1 Giới thiệu chung về công ty

- Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long**
- Tên giao dịch: **Cuu Long Petrogas Service-Transportation Join stock company**
- Tên viết tắt: **CGT.JSC**
- Số chứng nhận đăng ký kinh doanh: **0305020272**
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2015): **230.000.0000.000** đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng)
- Mã cổ phiếu: **PCT**
- Địa chỉ : Tầng 3, Toà nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, P6, Q3, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.62582.330/62582.331
- Fax : 08.2582.334
- Website : [www.pct.com.vn](http://www.pct.com.vn)

### 1.2 Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (PCT) được thành lập vào ngày 04/06/2007. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305020272 với vốn điều lệ là 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng). Nhiệm vụ chính là đầu tư kinh doanh khai thác phương tiện giao thông vận tải hành khách, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa. Đồng thời, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mang lại lợi tức cho các cổ đông của Công ty.

Qua 10 năm hoạt động, đến nay PCT đang kinh doanh lĩnh vực cho thuê xe ô tô, kinh doanh thương mại LPG, xăng dầu; và một số loại hình dịch vụ khác như dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng & nâng cao tuổi thọ công trình, quảng cáo, vận tải hàng hoá bằng đường thủy,....

Ngày 12/9/2011 PVTrans-PCT chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PCT. Sự kiện này đã đánh dấu một điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

### 1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### ✓ *Ngành nghề kinh doanh:*

- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Mua bán phương tiện, máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải; mua bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình.

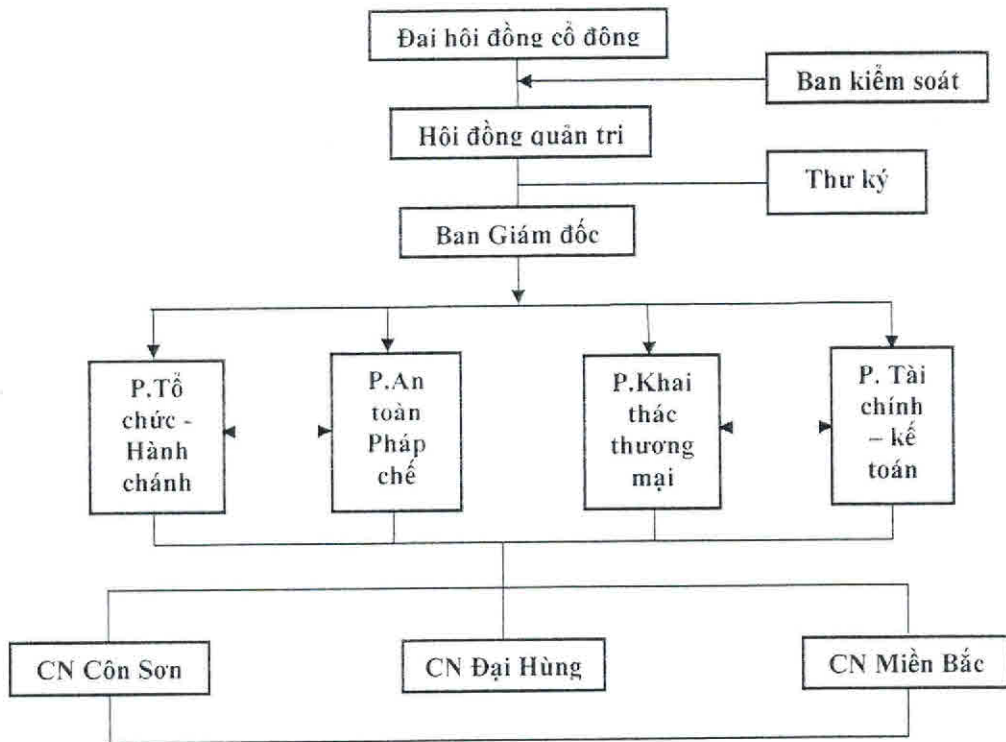
#### ✓ *Địa bàn kinh doanh:* Toàn quốc

### 1.4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### ✓ *Hệ thống quản trị và điều hành Công ty:*

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD và đầu tư; tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, BKS; và các quyết định khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra hiện gồm 5 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. HĐQT nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty.
- **Ban kiểm soát:** là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của Cổ đông. BKS hiện có 3 thành viên.
- **Ban điều hành của Công ty:** gồm 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động SXKD của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.
- **Các phòng chức năng chuyên môn gồm:** Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Khai thác thương mại, Phòng Tài chính kế toán, Phòng An toàn pháp chế, 03 chi nhánh (Chi nhánh Côn Sơn, Chi nhánh Đại Hùng, Chi nhánh Miền Bắc)

✓ Sơ đồ tổ chức



1.5 Định hướng phát triển

✓ Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải dầu khí Cửu Long (PCT) định hướng phát triển thành một trong những Công ty vận tải hàng đầu của Việt Nam với các lĩnh vực kinh doanh chính như sau: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy. Đồng thời Công ty cũng định hướng trở thành một đơn vị cung cấp những giải pháp tiên tiến, hiệu quả nhất trong lĩnh vực dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình.

✓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong thời gian tới, PCT sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường, hoạt động đa ngành lấy ngắn nuôi dài với hoạt động dịch vụ kinh doanh cho thuê xe văn phòng, vận tải than bằng đường thủy nội địa và kinh doanh thương mại làm chủ yếu. PCT sẽ tập trung phát triển vào 3 hướng chính:

- Xây dựng và phát triển các dòng xe chất lượng cao đáp ứng đa dạng các nhu cầu thuê xe của các khách hàng.
- Xây dựng và phát triển lĩnh vực kinh doanh vận chuyển than bằng đường thủy nội địa.
- Xây dựng và phát triển dịch vụ hàng hải, sửa chữa bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ các công trình.

✓ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng các hoạt động xã hội, chung tay vì cộng đồng, đền ơn đáp nghĩa. Trong năm 2016, Công ty đã tham gia công tác từ thiện, ủng hộ xây dựng Quỹ “Vì phụ nữ nghèo”, Quỹ tương trợ Dầu khí, Quỹ vì thế hệ trẻ, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng.

**1.6 Các rủi ro:**

- **Rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá nhiên liệu và giá thuê xe. Đối với hoạt động cho thuê xe công ty hạn chế rủi ro bằng cách cho thuê dài hạn, giá cước cho thuê sẽ tự động điều chỉnh khi giá nhiên liệu thay đổi hoặc cho thuê xe không bao gồm nhiên liệu. Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro thị trường ở mức độ vừa phải.
- **Rủi ro tín dụng:** Xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.
- **Rủi ro thanh khoản:** Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016**

**2.1 Tình hình hoạt động SXKD:**

- **Kết quả hoạt động SXKD trong năm:**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ TH/KH 2016
1	Tổng doanh thu	950.00	955.41	101%
2	Lợi nhuận trước thuế	19.00	26.56	140%
3	Lợi nhuận sau thuế	15.20	21.15	140%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	14.00	20.41	146%

Nhìn chung kết quả SXKD của Công ty năm 2016 có nhiều biến chuyển tích cực, đánh dấu lần thứ 5 liên tiếp đơn vị hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm. Tổng doanh thu đạt 955 tỷ 414 triệu đồng đạt 101% kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 26 tỷ 559 triệu đồng đạt 140% kế hoạch năm.

Công tác quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực đã được điều chỉnh phù hợp, kiểm soát được những rủi ro phát sinh trong kinh doanh; việc làm của người lao động được đảm bảo, thu nhập được cải thiện; các mặt hoạt động xã hội, đoàn thể, văn thể mỹ của Công ty được quan tâm thỏa đáng. Công tác tái cấu trúc với những kết quả cụ thể và cơ hội phát triển lĩnh vực kinh doanh chuyên ngành mới.

Kết quả đạt được trong năm 2016 là đáng khích lệ, nhưng Công ty cũng thấy còn nhiều hạn chế: Công ty đã kinh doanh có lợi nhuận tăng dần trong những năm gần đây, nhưng hiệu quả của kinh doanh nhìn chung còn thấp, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ chưa cao. Công tác quản lý, quản trị nội bộ tại Công ty và các Chi nhánh còn cần phải tiếp tục cải tiến, chấn chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong sản xuất kinh doanh. Chất lượng dịch vụ do Công ty cung cấp chưa đáp ứng được hết các yêu cầu đa dạng của khách hàng, cần phải quyết liệt cải thiện. Quá trình tái cấu trúc đơn vị đang ở giai đoạn quyết liệt nhất, việc xây dựng đề định hình chiến lược phát triển, sự ổn định về lâu dài trong các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty còn rất nhiều việc phải làm, nhiều khó khăn, thách thức phải vượt qua.

## 2.2 Tổ chức và nhân sự

### 2.2.1 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Hội đồng quản trị/Ban điều hành

#### ✓ Ông Phạm Quang Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - + Từ tháng 07/1995: công tác tại Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam – chức vụ chuyên viên phòng Đầu tư.
  - + Từ tháng 11/1999: công tác tại Công ty chứng khoán Bảo Việt – chức vụ: Phụ trách phòng nghiệp vụ.
  - + Từ tháng 07/2000: công tác tại Công ty chứng khoán Bảo Việt – chức vụ Trưởng phòng tư vấn
  - + Từ tháng 11/2002: công tác tại Công ty chứng khoán Bảo Việt – chức vụ Trưởng phòng môi giới
  - + Từ tháng 10/2003: công tác tại Công ty chứng khoán Bảo Việt – chức vụ Phó Giám đốc
  - + Từ tháng 06/2009: công tác tại Công ty CP chứng khoán Dầu khí – chức vụ Phó Tổng giám đốc

- + Từ tháng 11/2009: công tác tại Công ty CP chứng khoán Dầu khí – chức vụ Tổng giám đốc
- + Từ tháng 05/2015 – nay: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty.
- ✓ **Ông Dương Vũ Phong – Giám đốc Công ty**
  - Năm sinh: 29/11/1977
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – điện tử
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
  - Tóm tắt quá trình công tác:
    - + Từ tháng 10/1999: công tác tại Trung tâm ĐH2 – ĐH Thủy Lợi
    - + Từ tháng 06/2003: công tác tại Công ty CP Đầu tư xây dựng phát triển CSHT & Công nghệ P&L.
    - + Từ tháng 06/2007: công tác tại Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long– chức vụ: nhân viên Phòng Kỹ thuật.
    - + Từ tháng 04/2008: công tác tại Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long - chức vụ: GD Chi nhánh Ninh Thuận
    - + Từ tháng 10/2008: công tác tại Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long - chức vụ: GD Chi nhánh Ninh Thuận kiêm Phó GD Chi nhánh Đại Hùng.
    - + Từ tháng 05/2011: công tác tại Công ty CP Dịch vụ-Vận tải Dầu khí Cửu Long -chức vụ Phó GD Chi nhánh Côn Sơn
    - + Từ tháng 11/2011: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính
    - + Từ tháng 02/2014 đến nay: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ Phó Giám đốc
    - + Từ tháng 4/2015: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ Phó Giám đốc/UV.HĐQT kiêm Chủ tịch Công đoàn.
    - + Từ tháng 9/2016-nay: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ Giám đốc Công ty.
- ✓ **Ông Lê Thanh Sơn – Ủy viên Hội đồng quản trị**
  - Năm sinh: 12/05/1971
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư lọc hoá dầu, Cao cấp lý luận chính trị.
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 10.000 CP
  - Tóm tắt quá trình công tác:

- + Từ tháng 06/1999 – tháng 08/2001: công tác tại Công ty Phát triển khoáng sản 6 - chức vụ Xưởng trưởng.
- + Từ tháng 09/2001 – tháng 01/2004: công tác tại Công ty Liên doanh khoáng sản quốc tế Hải Tinh - chức vụ Phó Tổng giám đốc.
- + Từ tháng 05/2006: công tác tại Công ty Cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Long Sơn – chức vụ Tổng Giám đốc.
- + Từ tháng 6/2007 – 11/2013: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn PCT kiêm Giám đốc Chi nhánh Côn Sơn thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.
- + Từ tháng 08/2010 đến 12/2014: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ Phó Giám đốc/Chủ tịch Công đoàn
- + Từ 02/12/2014 – 31/3/2015 : công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.
- + Từ tháng 04/2015: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – Chức vụ Giám đốc Công ty/ UV.HĐQT
- + Từ tháng 9/2016 - nay: công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long – Chức vụ UV.HĐQT.

✓ **Ông Hồ Sĩ Thuận –Ủy viên Hội đồng quản trị**

- Năm sinh: 27/3/1978
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - + Từ tháng 11/2000: công tác tại Công ty CP Vận tải & lai dắt tàu biển Falcon – chức vụ: nhân viên khai thác thương vụ
  - + Từ tháng 10/2004: công tác tại Công ty CP Vận tải & lai dắt tàu biển Falcon – chức vụ: trưởng phòng khai thác thương vụ.
  - + Từ tháng 08/2006: công tác tại Công ty CP Vận tải & lai dắt tàu biển Falcon – chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách thương mại & khai thác.
  - + Từ tháng 05/2007: công tác tại Công ty Vinalines Hồ Chí Minh - chức vụ: trưởng phòng khai thác thương vụ
  - + Từ tháng 09/2008: công tác tại Công ty Vinalines Hồ Chí Minh – chức vụ: Phó giám đốc.
  - + Từ tháng 04/2012: công tác tại Công ty CP Cảng quốc tế ITC Phú Hữu – chức vụ: Tổng giám đốc
  - + Từ tháng 12/2012-nay: công tác tại Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí – chức vụ: Trưởng ban khai thác

- + Từ tháng 05/2013-đến nay: công tác tại Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí – chức vụ: Trưởng ban khai thác/ kiêm UV.HĐQT Công ty CP Dịch vụ- Vận tải dầu khí Cửu Long.
- ✓ **Ông Nguyễn Công Tâm – Ủy viên Hội đồng quản trị**
  - Năm sinh: 1991
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
  - Tóm tắt quá trình công tác:
    - + Từ tháng 09/2014: công tác tại Công IDG Venture Việt Nam- chức vụ: chuyên viên bộ phận M&A
    - + Từ tháng 2015 - nay: công tác tại Công ty TNHH Sapina Việt Nam – chức vụ: Giám đốc
    - + Từ tháng 05/2015 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long.
- ✓ **Ông Đào Ngọc Quỳnh – Ủy viên Hội đồng quản trị**
  - Năm sinh: 01/9/1968
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân điện tử
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
  - Tóm tắt quá trình công tác:
    - + Từ năm 1989: công tác tại Công ty xây dựng số 25 - Tổng công ty xây dựng sông Hồng – chức vụ: cán bộ kỹ thuật
    - + Từ năm 1999: công tác tại Công ty dịch vụ XNK BRNO – Cộng hoà Séc – chức vụ: Giám đốc
    - + Từ năm 2010: công tác tại Công ty CP Giải pháp công nghệ không phá huỷ Dầu khí Việt Nam – chức vụ TV.HĐQT/Phó Giám đốc.
    - + Từ tháng 7/2016 – nay: công tác tại Công ty CP Giải pháp công nghệ không phá huỷ Dầu khí Việt Nam – chức vụ TV.HĐQT/Phó Giám đốc/ kiêm TV.HĐQT Công ty CP Dịch vụ-vận tải Dầu khí Cửu Long
- ✓ **Ông Lê Văn Phong– Phó Giám đốc**
  - Năm sinh: 25/10/1980
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ điện hoá & bảo vệ kim loại
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
  - Tóm tắt quá trình công tác:
    - + Từ tháng 07/2003: công tác tại Công ty TNHH Hoá chất & khoáng sản (VMC)– chức vụ: Đại diện thương mại phía Nam/kỹ sư bán hàng.



- + Từ tháng 06/2004: công tác tại Công ty Nalco Pacific Pte.Ltd – chức vụ Kỹ sư dịch vụ bán hàng/chuyên viên kỹ thuật cao/Quản lý hậu cần.
- + Từ tháng 12/2009: công tác tại Công ty Petronas Việt Nam - chức vụ Kỹ sư vật liệu chống ăn mòn kim loại
- + Từ tháng 06/2010: công tác tại Công ty Baker Hughes Việt Nam – chức vụ: chuyên viên kỹ thuật cao
- + Từ tháng 05/2012: công tác tại Công ty Dung dịch khoan & hoá phẩm dầu khí (DMC) - chức vụ Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh DMC Hồ Chí Minh.
- + Từ tháng 08/2015-nay: công tác tại Công ty CP Dịch vụ - vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ: Phó Giám đốc.

✓ **Ông Phan Thanh Hà – Phó Giám đốc**

- Năm sinh: 01/8/1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - + Từ tháng 08/1995: công tác tại Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam – chức vụ: Chuyên viên Marketing.
  - + Từ tháng 08/2000: công tác tại VPĐD Công ty môi giới bảo hiểm Marsh (Mỹ) – chức vụ chuyên viên tư vấn
  - + Từ tháng 12/2001: công tác tại Công ty CP môi giới bảo hiểm Việt Quốc - chức vụ Giám đốc phát triển kinh doanh
  - + Từ tháng 10/2002: công tác tại Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt – chức vụ: chuyên viên nghiệp vụ
  - + Từ tháng 06/2005: công tác tại Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt - chức vụ Phó Giám đốc ban.
  - + Từ tháng 05/2011: công tác tại Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt – chức vụ: Giám đốc ban.
  - + Từ tháng 10/2016: Công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long- chức vụ Phó GD Công ty.

✓ **Ông Lương Minh Dương - Kế toán trưởng**

- Năm sinh: 05/6/1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - + Từ tháng 7/2003: Công tác tại Công ty TNHH Hóa chất và Khoáng sản VMC, chức vụ Kế toán tổng hợp; Kế toán trưởng.

- + Từ tháng 9/2008: Công tác tại Tổng công ty Viễn thông Toàn Cầu (Gtel), chức vụ Chuyên viên Ban Đầu tư Tài chính Kế toán
  - + Từ tháng 5/2010: Công tác tại CTCP Chứng khoán Hòa Bình (HBS), chức vụ: Phụ trách kế toán lưu ký
  - + Từ tháng 11/2012: Công tác tại Chi nhánh TCT Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại TPHCM, chức vụ: Phó phòng kinh doanh phụ trách lĩnh vực cung cấp vật tư thiết bị
  - + Từ tháng 9/2015: Công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ Phó phòng kinh doanh.
  - + Từ tháng 3/2016: Công tác tại Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, chức vụ CV thương mại
  - + Từ tháng 9/2016 – nay: Công tác tại Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
- ✓ **Ông Phạm Văn Hưng – Trưởng Ban kiểm soát**
- Năm sinh: 06/04/1981
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
  - Tóm tắt quá trình công tác:
    - + Từ tháng 09/2005: Công tác tại Công ty CP TM & DV Khí tượng thủy văn – chức vụ: Kế toán
    - + Từ tháng 09/2009: công tác tại Công ty CP DV & XD Địa ốc xanh - chức vụ: kế toán trưởng.
    - + Từ tháng 11/2010: công tác tại Công ty CP Đầu tư-phát triển Sông Đà – chức vụ trợ lý kế toán trưởng
    - + Từ tháng 03/2012: công tác tại Tổng công ty CP vận tải Dầu khí – chức vụ chuyên viên Ban kế hoạch đầu tư.
    - + Từ tháng 03/2013-nay: công tác tại Tổng công ty CP vận tải Dầu khí – chức vụ Trưởng phòng đổi mới và quản lý doanh nghiệp Ban KHĐT
    - + Từ tháng 05/2015-nay: kiêm Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Dịch vụ-vận tải Dầu khí Cửu Long
- ✓ **Ông Lê Trúc Lâm – Thành viên Ban kiểm soát**
- Năm sinh: 25/10/1981
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, thạc sĩ Quản trị dự án
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
  - Tóm tắt quá trình công tác:

- + Từ tháng 09/2005: công tác tại Công ty chuyên phát nhanh Alpha T&M – chức vụ: chuyên viên kinh doanh
- + Từ tháng 11/2006: công tác tại Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí – chức vụ: chuyên viên Phòng Tổng hợp pháp chế/phó phòng Thương mại-Ban tàu thuyền/kiêm trợ lý Ban Tổng Giám đốc.
- + Từ tháng 04/2010: công tác tại Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí – chức vụ: chuyên viên Ban Kỹ thuật vật tư/Ban kế hoạch đầu tư/kiêm trợ lý Ban Tổng Giám đốc.
- + Từ tháng 04/2012: công tác tại Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí – chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch đầu tư – Ban Kế hoạch đầu tư
- + Từ tháng 03/2013-nay: công tác tại Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí – chức vụ: Phó ban Kế hoạch đầu tư
- + Từ tháng 05/2015-nay: kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Dịch vụ - vận tải dầu khí Cửu Long.

✓ **Bà Vũ Thị Phượng – Thành viên Ban kiểm soát**

- Năm sinh: 02/9/1980
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải biển
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - + Từ tháng 03/2000: công tác tại Công ty Thăng Long – CN Nam Định – chức vụ: nhân viên bán hàng.
  - + Từ tháng 07/2000: công tác tại Công ty Dịch vụ kinh doanh & quản lý chợ - Tp Nam Định – chức vụ: nhân viên
  - + Từ tháng 05/2003: công tác tại Công ty Vận tải Dầu khí –CN Vũng Tàu - chức vụ: nhân viên
  - + Từ tháng 05/2006 – nay: công tác tại Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí – chức vụ: Chuyên viên ban Kế hoạch đầu tư
  - + Từ tháng 05/2015-nay: kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Dịch vụ - vận tải dầu khí Cửu Long.

*2.2.2 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:*

- ✓ Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm các chức danh như sau:
  - Bổ nhiệm Ông Đào Mạnh Quỳnh – Ủy viên HĐQT thay thế ông Dương Vũ Phong.
  - Bổ nhiệm Ông Dương Vũ Phong – Giám đốc Công ty thay thế ông Lê Thanh Sơn
  - Bổ nhiệm Ông Lê Văn Phong giữ chức danh Phó Giám đốc Công ty.

- Bổ nhiệm Ông Phan Thanh Hà giữ chức danh Phó Giám đốc Công ty.
- Bổ nhiệm Ông Lương Minh Dương – Kế toán trưởng Công ty thay Ông Phạm Đức Minh.

### 2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2016, Công ty cũng đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư nằm trong kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Công tác đầu tư trong năm 2016 được thực hiện nghiêm túc và tuân theo các quy định & quy chế đầu tư của Pháp luật và Công ty. Tổng giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2016 là 92 tỷ 923 triệu đồng, đạt 29% kế hoạch, trong đó:

- ✓ Dự án đầu tư xe văn phòng kinh doanh cho thuê: đã đầu tư được 32 xe các loại, với tổng giá trị đầu tư đạt được 32 tỷ 797 triệu đồng.
- ✓ Dự án đầu tư sà lan trọng tải 9.036 tấn và tàu kéo công suất 3.200 HP vận chuyển than với tổng giá trị đầu tư đạt 60 tỷ 126 triệu đồng.

### 2.4 Tình hình tài chính

2.4.1 *Tình hình tài chính:* Một số chỉ tiêu tài chính đã được kiểm toán trong năm 2016 và 2015

*Đvt: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	So sánh 2016/2015 (%)
1.	Tổng giá trị tài sản	352,755	289,636	82.11%
2.	Doanh thu thuần	1,095,974	929,675	84.83%
3.	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	4,304	6,621	153.84%
4.	Lợi nhuận khác	17,437	19,938	114.35%
5.	Lợi nhuận trước thuế	21,741	26,559	122.16%
6.	Lợi nhuận sau thuế	16,507	21,157	128.17%

2.4.2 *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty trong 2 năm liên tiếp như sau:*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	So sánh 2016/2015 (%)
<b>1. Khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2.67	4.82	180%
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2.56	4.79	187%
<b>2. Cơ cấu tài sản</b>				
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	33.65	22.73	67%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	62.60	56.77	90%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	So sánh 2016/2015 (%)
<b>3. Cơ cấu nguồn vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27.11	11.77	43%
- Hệ số Nợ/Vốn CSH	%	37.19	13.34	36%
<b>4. Năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	lần	150.07	171.91	115%
- Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	%	310.69	320.98	103%
<b>5. Chỉ số về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	1.51	2.28	151%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	6.42	8.28	129%
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	4.68	7.31	156%
- Hệ số LN từ SXKD/Doanh thu thuần	%	0.40	0.72	180%

## 2.5 Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2016)

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
<b>I.</b>	<b>Cổ đông tổ chức/lớn</b>			<b>14.061.772</b>	<b>61,14</b>
1	Tổng Công ty cổ phần vận tải Dầu khí	43 Mạc Đĩnh Chi, P.Đakao Q.1, HCM	Dịch vụ vận tải	5.203.772	22,63
2	Ông Nguyễn Hồng Hiệp			2.795.000	12,15
3	Công ty CP SCI	Tầng 3, tòa nhà Golden Palace, Đ. Mê Trì, P. Mê Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội		2.098.900	9,13
4	Công ty CP Quản lý quỹ IB	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.		3.964.100	17,24
<b>II.</b>	<b>Cổ đông khác</b>			<b>8.938.228</b>	<b>38,86</b>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>23.000.000</b>	<b>100</b>

- ✓ Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động): không có
- ✓ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: (chi tiết file đính kèm)
- ✓ Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không có

- ✓ Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 23.000.000 cổ phiếu thường
- ✓ Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có
- ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 23.000.000 cổ phần phổ thông
- ✓ Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): không có

## **2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

### *2.6.1 Chính sách liên quan đến người lao động:*

- Tổng số CBCNV toàn công ty năm 2016: 140 người, Khối lao động gián tiếp 42 người chiếm 30%, khối lao động trực tiếp 98 người chiếm 70% tổng số lao động.
- Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, phù hợp với quy định của Nhà nước về chế độ BHXH, BHYT, BHTN và trợ cấp ngày nghỉ, lễ, tết...
- Trong năm công tác cán bộ của Công ty đã được kiện toàn triệt để góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc.
- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2016 đạt 10.89 triệu đồng/người/tháng. Đánh giá chung, công tác trả lương, trả thưởng năm 2016 tiếp tục được thực hiện đúng theo Quy chế. Quy định khen thưởng định kỳ đã được điều chỉnh theo hướng có tiêu chí, thang điểm đánh giá cụ thể hơn, việc bình xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên để thực hiện và nghiêm túc hơn so với trước đây.

## **III. Báo cáo của Ban Giám đốc**

### *3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2016, PCT đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch đề ra.

#### ✓ Đánh giá kết quả đạt được

Doanh thu đạt 955 tỷ đồng/ 950 tỷ đồng tương đương 101% kế hoạch năm 2016. Mặc dù trong năm 2016, Công ty đã thoái vốn khỏi lĩnh vực taxi và ngừng hoạt động vận chuyển LPG bằng xe bồn, tuy nhiên doanh thu vẫn hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra. PCT đã đẩy mạnh các dịch vụ vận tải, và tăng cường hoạt động kinh doanh thương mại, kinh doanh xăng dầu và LPG, tất cả các hoạt động này đã góp phần làm hoàn thành mục tiêu doanh thu của PCT. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 26,559 tỷ đạt 140% kế hoạch, nộp ngân sách Nhà nước đạt 20,41 tỷ đồng, tương đương 146% kế hoạch 2016.

### *3.2 Tình hình tài chính*

#### *3.2.1 Tình hình tài sản*

- Tổng tài sản của Công ty trong năm 2016 thay đổi so với năm 2015 (giảm 18%), chủ yếu từ việc thoái vốn khỏi lĩnh vực kinh doanh vận chuyển không hiệu quả là kinh doanh taxi và kinh doanh vận chuyển LPG bằng xe bồn, cùng với việc chuyển nhượng một phần tài sản gắn với hợp đồng cho thuê xe văn phòng được chuyển nhượng cho một Công ty trực thuộc Tổng Công ty Vận tải Dầu khí. (TSCĐ cuối năm 2015: 118,7 tỷ, TSCĐ năm 2016: 65, 8 tỷ)
- Bên cạnh đó việc thu hẹp lĩnh vực kinh doanh thương mại (Tài sản bộ phận kinh doanh thương mại cuối năm 2015: 73.9 tỷ, Tài sản bộ phận kinh doanh thương mại cuối năm 2016: 0.39 tỷ) dẫn đến sự chuyển dịch tỷ trọng giữa Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn trong cơ cấu Tổng tài sản: tỷ trọng Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản đã tăng từ 37% lên 43% và tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản giảm từ 63% còn 57%.

### 3.2.2 Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả trên tổng tài sản giảm từ 27% (cuối năm 2015) xuống còn 11% (cuối năm 2016). Nguyên nhân tỷ trọng Nợ phải trả/Tổng tài sản thời điểm 31/12/2015 giảm 16% so với thời điểm 31/12/2016 chủ yếu là do cuối năm 2016 Công ty thoái vốn khỏi lĩnh vực kinh doanh taxi và thu hẹp lĩnh vực thương mại, tất toán các khoản phải trả nhà cung cấp liên quan đến hoạt động thương mại (Nợ phải trả bộ phận thương mại cuối năm 2015: 38 tỷ, Nợ phải trả bộ phận thương mại cuối năm 2016: 0.08 tỷ)

### 3.3 Những tiến bộ công ty đã đạt được

- ✓ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:
  - Kiện toàn tổ chức hoạt động của công ty.
  - Cập nhật, hoàn thiện các quy trình quy chế theo quy định.
  - Các biện pháp kiểm soát
  - Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
  - Lãnh đạo và CBCNV đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo chất lượng dịch vụ xe văn phòng, xe bồn luôn trong tình trạng dịch vụ và kỹ thuật tốt.

### 3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

- Doanh thu : 1.000.000.000.000 VNĐ
- Lợi nhuận trước thuế : 26.800.000.000 VNĐ

- Tập trung phát triển, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh cho thuê xe văn phòng, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành, phát triển thị trường cho thuê xe văn phòng ra miền Bắc.
- Tập trung phát triển dịch vụ dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình cho các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại sang lĩnh vực mới: cung cấp nhiên liệu, vật liệu xây dựng,...
- Phát triển lĩnh vực vận tải thủy: vận chuyển than cho nhà máy nhiệt điện, vận chuyển nhiên liệu, vật liệu xây dựng,...
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

#### **IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **4.1 Đánh giá chung về các hoạt động của Công ty**

Năm 2016, tình hình kinh tế xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, nên nhu cầu sử dụng các dịch vụ mà công ty cung cấp chưa tăng trưởng nhiều. Các doanh nghiệp trong ngành và tại Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn tái cấu trúc quyết liệt, phải thắt chặt chi tiêu, tăng cường tiết kiệm chi phí quản lý nên ít có cơ hội phát triển kinh doanh cho các đơn vị cung cấp dịch vụ như PCT.

Để củng cố và duy trì hoạt động, công ty đã thực hiện tái cấu trúc toàn diện về vốn, tài sản, thị trường, tổ chức nhân sự, siết chặt quản lý chi phí, mở rộng kinh doanh thương mại, mở rộng quy mô dịch vụ cho thuê xe văn phòng, thoái vốn trong lĩnh vực taxi để tập trung nguồn lực phát triển lĩnh vực kinh doanh mới.

Ban giám đốc công ty đã có nhiều nỗ lực và quyết liệt trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT. Năm 2016 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

##### **4.2 Đánh giá các hoạt động của Ban giám đốc Công ty**

###### **✓ Thị trường**

- Công ty tập trung phát triển, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh cho thuê xe văn phòng, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành, phát triển thị trường cho thuê xe văn phòng ra miền Bắc.
- Tập trung phát triển dịch vụ dịch vụ bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công trình cho các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí.

###### **✓ Công tác quản lý:**

7/11



- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008: xây dựng, điều chỉnh hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.
- ✓ **Công tác sửa chữa bảo dưỡng phương tiện, tài sản:**
  - Công ty đã áp dụng phần mềm trong công tác quản lý kỹ thuật cho đội xe, lắp đặt hệ thống định vị GPS, ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật phương tiện, kịp thời sửa chữa, bảo dưỡng, giữ gìn tốt hơn, thanh lý các xe cũ, hư hỏng nhiều để giảm chi phí sửa chữa và thu hồi nhanh vốn đầu tư, đầu tư xe mới để thay thế phục vụ nhu cầu của khách hàng.
- ✓ **Công tác thực hành tiết kiệm:**
  - Công ty tiếp tục thực hiện thực hành tiết kiệm và giáo dục người lao động ý thức tiết kiệm.
  - Chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, các quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Điều lệ và các quy chế quản lý của công ty.
  - HĐQT đã chỉ đạo các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình đầu tư, kinh doanh, dịch vụ và đưa các các giải pháp kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban điều hành công ty thực hiện đúng và đầy đủ.

#### **4.3 Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2017**

Theo nhận định của HĐQT và Ban giám đốc, năm 2017 sẽ vẫn tiếp tục khó khăn, tăng trưởng chậm, lạm phát tăng, việc tăng giảm giá dầu thô khó lường sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế và các hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam.

Để thực hiện tốt kế hoạch hoạt động và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017, HĐQT cần chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban điều hành xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2017:
  - ✓ Doanh thu: 1000 tỷ VNĐ.
  - ✓ Lợi nhuận trước thuế: 26,8 tỷ VNĐ.
  - ✓ Nộp NSNN: 15 tỷ VNĐ.
- Tái cấu trúc doanh nghiệp một cách toàn diện: Tái cấu trúc bộ máy hoạt động, bổ sung thêm chức năng nhiệm vụ bám sát theo định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính.
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức... để tăng cường công tác quản lý.

- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh mới và xu thế phát triển của công ty trong tương lai.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2017.

## V Quản trị Công ty

### 5.1 Hội đồng quản trị:

#### 5.1.1 Danh sách HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết
1	Ông Phạm Quang Huy	CT.HĐQT	-	-
2	Ông Lê Thanh Sơn	UV.HĐQT	2.300.000	10%
3	Ông Hồ Sĩ Thuận	UV.HĐQT	1.523.772	6.63%
4	Ông Nguyễn Công Tâm	UV.HĐQT	-	-
5	Ông Đào Ngọc Quỳnh	UV.HĐQT		13.34%

Hội đồng quản trị công ty năm 2016 gồm 05 người trong đó thành viên điều hành và thành viên độc lập không điều hành, cụ thể:

- Thành viên HĐQT không tham gia điều hành Ông Phạm Quang Huy, Ông Hồ Sĩ Thuận, Ông Nguyễn Công Tâm.
- Thành viên HĐQT tham gia điều hành: Ông Lê Thanh Sơn (đến tháng 9/2016), Ông Dương Vũ Phong (đến tháng 7/2016).

#### 5.1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động theo Quy chế làm việc của HĐQT ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ - HĐQT ngày 10/7/2008. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành.
- Các thành viên HĐQT đã triển khai Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 chỉ đạo, giám sát hoạt động của GD thông qua các nghị quyết của HĐQT, thông qua việc tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Công ty; trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng và giao kế hoạch kinh doanh và các cuộc họp liên quan khác.
- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 cho Giám đốc và Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện.
- Phê duyệt công tác cán bộ, cử cán bộ đi công tác, ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện các công tác trong điều hành sản xuất kinh doanh.

- Các chỉ đạo cụ thể của HĐQT liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm trong 2016.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2016.

## 5.2 Ban kiểm soát

- ✓ Ban Kiểm soát của công ty năm 2016 gồm 3 người là Ông Phạm Văn Hưng, Bà Vũ Thị Phương, Ông Lê Trúc Lâm.
- ✓ Tuy nhiên Việc bầu thành viên ban kiểm soát đối với ông Phạm Văn Hưng và ông Lê Trúc Lâm tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 không theo đúng quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp năm 2005 (giai đoạn Công ty PCT là đơn vị thành viên của Tổng Công ty PVTrans do PVTrans chiếm 3/5 thành viên HĐQT Công ty). Ngày 18/10/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty PCT về việc bầu thành viên ban kiểm soát nói trên với số tiền là 70 triệu đồng;
- ✓ Hoạt động của Ban kiểm soát:
  - Đánh giá, giám sát các thông tin trên báo cáo tài chính của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.
  - Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
  - Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.
  - Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

## 5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích được chi trả trong năm 2016 của HĐQT, BKS, Ban giám đốc:

- Thù lao CT.HĐQT không chuyên trách	: 36,000,000 VNĐ
- Thù lao TV.HĐQT chuyên trách (từ T9-T12)	: 117,882,000 VNĐ
- Thù lao TV.HĐQT không chuyên trách (3 người)	: 85,500,000 VNĐ
- Thù lao của Trưởng BKS không chuyên trách	: 18,000,000 VNĐ
- Thù lao của TV.BKS không chuyên trách (2 người)	: 24,000,000 VNĐ
- Thu nhập của Giám đốc	: 570,198,652 VNĐ
- Thu nhập của Phó giám đốc (3 người)	: 639,353,747 VNĐ

(\* Ghi chú: 01 PGĐ được bổ nhiệm từ T10/2016, 01 PGĐ miễn nhiệm từ T6/2016)

## 5.4 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	Cty TNHH MTV Quản lý Quỹ NH TMCP Công Thương VN	Cổ đông lớn	Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	04/01/16	1,179,000 CP/5,13%	
2	CTCP Quản lý quỹ IB	Cổ đông lớn	Tầng 8, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	24/6/16	3,964,100 CP /17,24%	
3	Cty TNHH MTV Quản lý Quỹ NH TMCP Công Thương VN	Cổ đông lớn	Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	28/6/16	0%	Bán 1,179,000 CP
4	Công ty Cổ phần chứng khoán SCI	Cổ đông lớn	Tầng 3 Tháp C tòa nhà Golden place Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hanoi, Viet Nam		2,098,900 CP/9.13%	

5.5 Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

## VI. Báo cáo tài chính

6.1 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: (file đính kèm).

6.2 Ý kiến của kiểm toán: (file đính kèm).

**GIÁM ĐỐC**




*Dương Vũ Phong*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI  
DẦU KHÍ CỬU LONG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên
Ông Dương Vũ Phong	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2016)
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2016)
Ông Nguyễn Công Tâm	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Dương Vũ Phong	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Phan Thanh Hà	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2016)
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2016)
Ông Lê Văn Phong	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2016)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Dương Vũ Phong**  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Số: 515 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>164.418.908.752</b>	<b>220.810.534.790</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>100.225.634.171</b>	<b>18.424.398.981</b>
1. Tiền	111		10.425.634.171	18.424.398.981
2. Các khoản tương đương tiền	112		89.800.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>40.917.382.900</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	266.108.066
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(148.725.166)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	30.000.000.000	40.800.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.664.554.919</b>	<b>151.146.391.326</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	24.371.798.072	92.286.816.869
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.573.402.352	18.416.598.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	13.427.649.205	61.145.191.480
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(20.708.294.710)	(20.702.215.023)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.063.153.598</b>	<b>9.522.127.511</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.063.153.598	12.709.831.159
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.187.703.648)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.465.566.064</b>	<b>800.234.072</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		155.501.530	800.234.072
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.699.441.701	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	610.622.833	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>125.217.106.248</b>	<b>131.944.796.317</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>270.000.000</b>	<b>2.091.580.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	270.000.000	2.091.580.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.819.692.389</b>	<b>118.679.732.785</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	65.680.231.595	118.492.232.781
- Nguyên giá	222		95.592.022.954	225.217.820.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.911.791.359)	(106.725.587.444)
2. Tài sản cố định vô hình	227		139.460.794	187.500.004
- Nguyên giá	228		733.967.020	693.967.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(594.506.226)	(506.467.016)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>8.511.460.000</b>	<b>8.511.460.000</b>
- Nguyên giá	231		8.511.460.000	8.511.460.000
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.492.500</b>	<b>49.492.500</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49.492.500	49.492.500
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>49.972.677.617</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	49.972.677.617	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>593.783.742</b>	<b>2.612.531.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		184.545.455	280.928.208
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	409.238.287	2.331.602.824
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>289.636.015.000</b>	<b>352.755.331.107</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>34.088.254.108</b>	<b>95.614.784.859</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.088.254.108</b>	<b>82.517.831.624</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	9.593.012.498	45.505.935.928
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.328.059.050	54.621.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	-	2.034.065.941
4. Phải trả người lao động	314		8.979.636.346	15.070.181.849
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.453.509.200	4.863.362.762
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	43.118.190
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	5.435.858.779	6.754.616.799
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	-	7.153.189.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.178.235	1.038.739.293
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>13.096.953.235</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	-	13.096.953.235
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>255.547.760.892</b>	<b>257.140.546.248</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>255.547.760.892</b>	<b>257.140.546.248</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.000.000.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.000.000.000	230.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		839.178.790	839.178.790
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.790.083.056	24.382.868.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.505.315.468	7.875.304.990
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		284.767.588	16.507.563.422
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>289.636.015.000</b>	<b>352.755.331.107</b>

  
 Tôn Đức Quân  
 Người lập biểu

  
 Lương Minh Dương  
 Kế toán trưởng

  
 Dương Vũ Phong  
 Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>929.675.727.846</b>		<b>1.095.974.510.644</b>	
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>929.675.727.846</b>		<b>1.095.974.510.644</b>	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	909.835.286.106		1.077.042.910.824	
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>19.840.441.740</b>		<b>18.931.599.820</b>	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.777.828.496		6.983.112.127	
6. Chi phí tài chính	22		18.363.890		63.584.123	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.330.204		41.694.445	
7. Chi phí bán hàng	25	25	67.408.189		550.565.537	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.911.513.746		20.996.514.807	
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>6.620.984.411</b>		<b>4.304.047.480</b>	
10. Thu nhập khác	31	24	20.237.866.270		17.945.472.285	
11. Chi phí khác	32		299.721.559		507.793.849	
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>19.938.144.711</b>		<b>17.437.678.436</b>	
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>26.559.129.122</b>		<b>21.741.725.916</b>	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	3.478.793.600		5.320.245.060	
15. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	1.922.364.537		(86.082.566)	
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>21.157.970.985</b>		<b>16.507.563.422</b>	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	828		646	



Tôn Đức Quân  
 Người lập biểu



Lương Minh Dương  
 Kế toán trưởng



Dương Vũ Phong  
 Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>26.559.129.122</b>	<b>21.741.725.916</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	18.787.719.353	33.493.608.149
Các khoản dự phòng	03	(3.330.349.127)	(778.261.454)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.408.920.810)	(25.448.684.441)
Chi phí lãi vay	06	5.330.204	41.694.445
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.612.908.742</b>	<b>29.050.082.615</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	123.283.068.675	(60.310.081.078)
Thay đổi hàng tồn kho	10	11.646.677.561	(7.878.965.857)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(59.492.367.421)	(3.759.452.387)
Thay đổi chi phí trả trước	12	741.115.295	1.742.588.858
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	266.108.066	6.137.602.014
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.330.204)	(48.277.778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.383.018.705)	(4.728.667.999)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.791.317.399)	(2.142.810.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>84.877.844.610</b>	<b>(41.937.981.612)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(39.549.487.031)	(37.406.463.057)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	90.104.801.296	32.088.927.384
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.972.677.617)	-
4. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.800.000.000	43.438.747.293
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.240.753.932	7.315.455.224
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>17.623.390.580</b>	<b>45.436.666.844</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(10.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.700.000.000)	(23.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(20.700.000.000)</b>	<b>(33.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>81.801.235.190</b>	<b>(29.501.314.768)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>18.424.398.981</b>	<b>47.925.713.749</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>100.225.634.171</b>	<b>18.424.398.981</b>

  
 Tôn Đức Quân  
 Người lập biểu

  
 Lương Minh Dương  
 Kế toán trưởng

  
 Dương Vũ Phong  
 Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 ngày 04 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 12 tháng 9 năm 2011 với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 214 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 517 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, tuyến cố định.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa.
- Kinh doanh vận tải biển.
- Chiết nạp sản phẩm gas (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh).
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải.
- Mua bán sản phẩm khí (LPG/CNG/LNG)
- Mua bán phân bón.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Côn Sơn: Tầng 3 - tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đại Hùng: Tầng 3 - tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm đầu tư và phát triển nhiên liệu khí Việt Autogas: Tầng 3 - tòa nhà PJICO Tower, Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Vũng Tàu: Số 654 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Chi nhánh Miền Bắc: Số 1, Ngõ 135, Phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không ảnh hưởng trọng yếu tới số liệu so sánh.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng của phần mềm máy tính là 6 năm.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ gắn trên xe taxi, các chi phí bảo hiểm tài sản cố định được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm đến ba năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	116.319.504	32.651.297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.309.314.667	18.391.747.684
Các khoản tương đương tiền	89.800.000.000	-
	<b>100.225.634.171</b>	<b>18.424.398.981</b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	40.800.000.000	40.800.000.000
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Dài hạn</b>				
Trái phiếu doanh nghiệp	49.972.677.617	49.972.677.617	-	-
	<b>79.972.677.617</b>	<b>79.972.677.617</b>	<b>40.800.000.000</b>	<b>40.800.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến một năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng 6% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 4,4% đến 6,6%).

Trái phiếu doanh nghiệp thể hiện khoản đầu tư vào 50 trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng được phát hành bởi Công ty Cổ phần SCI, có kì hạn là ba năm với lãi suất hàng năm được hưởng 10%/năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng khoản đầu tư của Công ty Cổ phần SCI vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV GAS Venus	-	32.844.475.819
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Hiệp Lợi	-	10.458.231.572
Công ty TNHH GAS Miền Trung	-	9.932.445.487
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	3.621.148.541
Văn phòng Đại diện Idemitsu Kosan Hà Nội	3.773.512.833	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	16.977.136.698	35.430.515.450
	<b>24.371.798.072</b>	<b>92.286.816.869</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	5.339.802.000	50.617.797.000
Phải thu dịch vụ chưa phát hành hóa đơn	-	3.128.204.728
Lãi dự thu	1.227.091.944	1.491.686.667
Phải thu người lao động	2.201.595.709	1.941.022.635
Phải thu khác	4.659.159.552	3.966.480.450
	<b>13.427.649.205</b>	<b>61.145.191.480</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	270.000.000	2.091.580.000
	<b>270.000.000</b>	<b>2.091.580.000</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Thời gian quá hạn:</b>				
- Từ 3 năm trở lên	20.708.294.710	-	20.702.215.023	-
	<b>20.708.294.710</b>	<b>-</b>	<b>20.702.215.023</b>	<b>-</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	195.335.178	224.579.980.835	442.504.212	225.217.820.225
Tăng trong năm	266.363.636	39.243.123.395	-	39.509.487.031
Thanh lý, nhượng bán	(157.000.000)	(168.978.284.302)	-	(169.135.284.302)
Số dư cuối năm	304.698.814	94.844.819.928	442.504.212	95.592.022.954
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	119.451.859	106.190.193.874	415.941.711	106.725.587.444
Khấu hao trong năm	15.700.002	18.663.599.459	20.380.682	18.699.680.143
Thanh lý, nhượng bán	(96.816.683)	(95.416.659.545)	-	(95.513.476.228)
Số dư cuối năm	38.335.178	29.437.133.788	436.322.393	29.911.791.359
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	<b>75.883.319</b>	<b>118.389.786.961</b>	<b>26.562.501</b>	<b>118.492.232.781</b>
Số dư cuối năm	<b>266.363.636</b>	<b>65.407.686.140</b>	<b>6.181.819</b>	<b>65.680.231.595</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, phương tiện vận tải của Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.447.602.286 đồng và 63.633.885 đồng đang được giữ bởi Công ty TNHH MTV Cửu Nguyễn ("Cửu Nguyễn"), liên quan đến vụ tranh chấp giữa Công ty và Cửu Nguyễn từ tháng 11 năm 2013. Ngày 26 tháng 02 năm 2014, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi ba chiếc xe này.

Ngày 26 tháng 5 năm 2015, theo bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST, Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình đã tuyên công ty TNHH Cửu Nguyễn phải trả cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Cửu Long ba xe taxi trên với biển kiểm soát số 56K-8922, 56K-8306, 56N-6297. Ngày 22 tháng 9 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm số 95/2015/LDTM-ST và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Ngày 14 tháng 3 năm 2016 Tòa án Nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu tiến hành phiên đối chất giải quyết vụ án kinh doanh thương mại trên.

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.890.736.264 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.788.809.821 đồng).



**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	179.159.160	15.698.726.906	16.190.790.850	(312.904.784)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.792.626.703	3.478.793.600	5.383.018.705	(111.598.402)
Thuế thu nhập cá nhân	1.858.496	1.227.312.367	1.411.626.899	(182.456.036)
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Các loại thuế khác	60.421.582	-	64.085.193	(3.663.611)
	<b>2.034.065.941</b>	<b>20.413.832.873</b>	<b>23.058.521.647</b>	<b>(610.622.833)</b>
<b>Trong đó</b>				
Thuế và các khoản phải thu	-	-	-	610.622.833
Thuế và các khoản phải nộp	2.034.065.941	-	-	-

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2015).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	409.238.287	2.331.602.824
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>409.238.287</b>	<b>2.331.602.824</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	4.033.930.564	4.033.930.564	594.647.999	594.647.999
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.505.729	2.505.729	25.392.314.783	25.392.314.783
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí Miền Đông	-	-	5.893.037.080	5.893.037.080
Phải trả người bán khác	5.556.576.205	5.556.576.205	13.625.936.066	13.625.936.066
	<b>9.593.012.498</b>	<b>9.593.012.498</b>	<b>45.505.935.928</b>	<b>45.505.935.928</b>



**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí nhiên liệu	12.590.909	513.974.438
Chi phí thuê xe	4.617.202.833	590.524.182
Chi phí sửa chữa xe	-	384.995.936
Chi phí thực hiện Dịch vụ Kỹ thuật hàng hải	1.392.828.707	-
Chi phí khác	2.430.886.751	3.373.868.206
	<b>8.453.509.200</b>	<b>4.863.362.762</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ký quỹ của lái xe và khách thuê xe (*)	3.919.178.493	2.846.891.955
Các khoản khác	1.516.680.286	3.907.724.844
	<b>5.435.858.779</b>	<b>6.754.616.799</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ của lái xe và khách thuê xe (*)	-	13.096.953.235
	-	<b>13.096.953.235</b>

(\*) Đây là khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn từ tài xế xe taxi, tài xế lái xe theo hợp đồng và các khách hàng thuê xe của Công ty. Khoản ký quỹ từ tài xế được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng lao động với tài xế xe taxi. Khoản ký quỹ từ khách hàng thuê xe được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng thuê.

**17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND
Số dư đầu năm trước	8.412.681.042
Hoàn nhập dự phòng	(1.259.492.042)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>7.153.189.000</b>
Hoàn nhập dự phòng	(7.153.189.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>-</b>

Dự phòng phải trả thể hiện ước tính tốt nhất của Công ty về chi phí sửa chữa lớn phương tiện vận tải dựa trên kinh nghiệm quá khứ với các phương tiện hư hỏng. Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng cho toàn bộ số dư đầu năm do Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ các phương tiện vận tải này.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn cổ phần đã phát hành**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	23.000.000	230.000.000.000	23.000.000	230.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	23.000.000	230.000.000.000	23.000.000	230.000.000.000
		<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>
<b>Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng</b>		<b>23.000.000</b>		<b>23.000.000</b>
+ Cổ phần phổ thông		23.000.000		23.000.000
<b>Số lượng cổ phần đang lưu hành</b>		<b>23.000.000</b>		<b>23.000.000</b>
+ Cổ phần phổ thông		23.000.000		23.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>839.178.790</b>	<b>954.943.512</b>	<b>34.165.971.592</b>	<b>265.960.093.894</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.507.563.422	16.507.563.422
Trích lập các quỹ	-	-	963.555.534	(963.555.534)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.927.111.068)	(1.927.111.068)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(23.000.000.000)	(23.000.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>839.178.790</b>	<b>1.918.499.046</b>	<b>24.382.868.412</b>	<b>257.140.546.248</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.157.970.985	21.157.970.985
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.650.756.341)	(1.650.756.341)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành (i)	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(20.700.000.000)	(20.700.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>839.178.790</b>	<b>1.918.499.046</b>	<b>22.790.083.056</b>	<b>255.547.760.892</b>

(i) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 1.650.736.342 đồng và 400.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD-PCT ngày 10 tháng 6 năm 2016. Đồng thời theo Nghị quyết này, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm trước với số tiền là 20.700.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức trên cho cổ đông.

Chi tiết các cổ đông sở hữu cổ phần ở Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.037.720.000	22,63	52.037.720.000	22,63
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB	39.641.000.000	17,24	-	0,00
Công ty Cổ phần SCI	20.989.000.000	9,13	20.989.000.000	9,13
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	5.591.000.000	2,43	9.691.000.000	4,21
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	27.950.000.000	12,15	28.050.000.000	12,20
Các cổ đông khác	83.791.280.000	36,42	119.232.280.000	51,83
	<b>230.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>100</b>

**19. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán các mặt hàng LPG và xăng dầu.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng xe taxi, cho thuê xe.
- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh bảo dưỡng, sửa chữa cho các phương tiện vận tải và các hoạt động khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

<b>Số cuối năm</b>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Hoạt động khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	389.480.245	95.206.478.270	1.329.517.234	96.925.475.749
Tài sản không phân bổ				192.710.539.251
<b>Tổng tài sản</b>				<b>289.636.015.000</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	86.935.668	17.231.293.439	-	17.318.229.107
Nợ phải trả không phân bổ				16.770.025.001
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>34.088.254.108</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>Năm nay</b>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Hoạt động khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	752.591.730.762	167.385.950.474	9.698.046.610	929.675.727.846
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	752.591.730.762	167.385.950.474	9.698.046.610	929.675.727.846
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.082.340.292	16.090.237.091	667.864.357	19.840.441.740
Chi phí không phân bổ				(18.978.921.935)
Lãi từ hoạt động kinh doanh				861.519.805
Doanh thu hoạt động tài chính				5.777.828.496
Lợi nhuận khác				19.938.144.711
Chi phí tài chính				(18.363.890)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				26.559.129.122
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(3.478.793.600)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.922.364.537)
Lợi nhuận trong năm				21.157.970.985
<b>Thông tin khác</b>				
Khấu hao				18.787.719.353

**Bảng cân đối kế toán**

<b>Số đầu năm</b>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Hoạt động khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	73.900.116.132	157.412.213.936	149.164.567	231.461.494.635
Tài sản không phân bổ				121.293.836.472
<b>Tổng tài sản</b>				<b>352.755.331.107</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	38.059.349.459	38.734.464.064	-	76.793.813.523
Nợ phải trả không phân bổ				18.820.971.336
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>95.614.784.859</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>Năm trước</b>	<b>Thương mại VND</b>	<b>Dịch vụ vận tải VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	860.236.171.768	223.180.917.914	12.557.420.962	1.095.974.510.644
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>860.236.171.768</b>	<b>223.180.917.914</b>	<b>12.557.420.962</b>	<b>1.095.974.510.644</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(78.672.354)	18.083.651.100	926.621.074	18.931.599.820 (21.547.080.344)
Chi phí không phân bổ				(2.615.480.524)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh				6.983.112.127
Doanh thu hoạt động tài chính				17.437.678.436
Lợi nhuận khác				(63.584.123)
Chi phí tài chính				21.741.725.916
Lợi nhuận kế toán trước thuế				(5.320.245.060)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				86.082.566
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				16.507.563.422
Lợi nhuận trong năm				33.493.608.149
<b>Thông tin khác</b>				
Khấu hao				33.493.608.149

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu từ kinh doanh hàng hóa	752.591.730.762	860.236.171.768
Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ vận tải	167.385.950.474	223.180.917.914
Doanh thu từ hoạt động khác	9.698.046.610	12.557.420.962
	<b>929.675.727.846</b>	<b>1.095.974.510.644</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	749.509.390.470	860.314.844.122
Giá vốn dịch vụ vận tải đã cung cấp	151.295.713.383	205.097.266.814
Giá vốn hoạt động khác	9.030.182.253	11.630.799.888
	<b>909.835.286.106</b>	<b>1.077.042.910.824</b>

**22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.447.577.153	27.727.442.797
Chi phí nhân công	50.009.870.451	83.840.979.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.787.719.353	33.493.608.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.455.646.089	91.714.213.767
Chi phí khác	6.431.241.387	5.891.698.673
	<b>187.132.054.433</b>	<b>242.667.942.637</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(542.119.180)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	1.922.364.537	456.036.614
	<b>1.922.364.537</b>	<b>(86.082.566)</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	21.157.970.985	16.507.563.422
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.115.797.099)	(1.650.756.342)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	19.042.173.886	14.856.807.080
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<b>828</b>	<b>646</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích lập của năm 2015 là 10% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên cơ sở nêu trên nhằm phục vụ thông tin so sánh giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016.

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đa ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	64.073.557.307	28.838.057.584

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	24.963.672.262	2.236.210.489
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	19.090.854.393	4.027.898.382
	<b>44.054.526.655</b>	<b>6.264.108.871</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê xe cho dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Tầng 3 - Tòa nhà PJICO Tower, 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 85 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cho chi nhánh Côn Sơn và Đại Hùng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi số</b>	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.225.634.171	18.424.398.981
Đầu tư tài chính	79.972.677.617	40.917.382.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.975.446.081	146.753.068.217
<b>Tổng cộng</b>	<b>209.173.757.869</b>	<b>206.094.850.098</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.028.871.277	65.357.505.962
Chi phí phải trả	8.453.509.200	4.863.362.762
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.482.380.477</b>	<b>70.220.868.724</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro thị trường ở mức độ vừa phải.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng, Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng cho những khoản này.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



<b>Số cuối năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.225.634.171	-	100.225.634.171
Đầu tư tài chính	30.000.000.000	49.972.677.617	79.972.677.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.705.446.081	270.000.000	28.975.446.081
	<b>158.931.080.252</b>	<b>50.242.677.617</b>	<b>209.173.757.869</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	15.028.871.277	-	15.028.871.277
Chi phí phải trả	8.453.509.200	-	8.453.509.200
	<b>23.482.380.477</b>	<b>-</b>	<b>23.482.380.477</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>135.448.699.775</b>	<b>50.242.677.617</b>	<b>185.691.377.392</b>

<b>Số đầu năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.424.398.981	-	18.424.398.981
Đầu tư tài chính	40.917.382.900	-	40.917.382.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.661.488.217	2.091.580.000	146.753.068.217
	<b>204.003.270.098</b>	<b>2.091.580.000</b>	<b>206.094.850.098</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	52.260.552.727	13.096.953.235	65.357.505.962
Chi phí phải trả	4.863.362.762	-	4.863.362.762
	<b>57.123.915.489</b>	<b>13.096.953.235</b>	<b>70.220.868.724</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>146.879.354.609</b>	<b>(11.005.373.235)</b>	<b>135.873.981.374</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### Danh sách các bên liên quan:

##### **Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  
 Công ty Cổ phần Chứng khoán IB  
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô Thị  
 Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí  
 Công ty Bảo hiểm PVI Sài Gòn  
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam  
 Chi nhánh Đồng Nai - Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Khí Miền Nam  
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tại Nha Trang  
 Chi nhánh Miền Đông Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam  
 Chi nhánh Miền Đông Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam tại Vũng Tàu  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương  
 Công ty TNHH MVT Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông  
 CN Tập Đoàn Dầu Khí VN - Công Ty Điều Hành Dầu Khí Phú Quốc  
 Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Dầu khí Biển Đông  
 Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Khí Cà Mau  
 Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - BQL Dự án Khí Đông Nam Bộ

##### **Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Dầu khí Phú Quốc	3.788.971.170	2.156.261.319
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Dầu khí Biển Đông	2.411.637.300	1.828.228.690
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Khí Cà Mau	5.594.221.983	10.592.004.622
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - BQL Dự án Khí Đông Nam Bộ	2.084.140.769	4.021.280.810
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	8.651.202.703	14.563.261.780
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ khí	6.921.435.568	10.764.568.879
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	9.249.632.136	9.517.360.245
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	7.989.183.254	12.391.202.156
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	14.037.176.049	26.034.852.991
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	3.561.779.724	4.767.770.666
- Công ty Cổ Phần Kinh doanh khí Miền Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	1.925.867.843	2.757.910.306
- Công ty Cổ Phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.631.442.000	-
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.263.799.046	4.568.449.128
- Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Đông	105.633.073.151	-
- Công Ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn	1.454.962.253	-
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	93.598.934.938	367.575.651.617
- Xí nghiệp Phân phối Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	2.066.835.102	-
- Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	2.432.163.370	3.518.944.528
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công Ty Cổ Phần	9.328.411.077	15.518.003.201
- Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP	2.905.598.578	759.252.183
- Xí Nghiệp Phân Phối Khí Thấp Áp Vũng Tàu	3.383.832.023	3.663.461.688
<b>Bán tài sản</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	52.447.800.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế	5.863.636.364	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản khác	2.032.706.884	2.366.617.890

**31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền 1.227.091.944 đồng (2015: 1.491.686.667 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>				
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Thay đổi các khoản phải thu	09	(46.010.081.078)	(14.300.000.000)	(60.310.081.078)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	<u>29.138.747.293</u>	<u>14.300.000.000</u>	<u>43.438.747.293</u>
		(16.871.333.785)	-	(16.871.333.785)



**Tôn Đức Quân**  
 Người lập biểu



**Lương Minh Dương**  
 Kế toán trưởng



**Dương Vũ Phong**  
 Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2017

